

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 23-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng và bà Đặng Hoa Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng và ông Lương Huy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T – tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23 tháng 01 năm 1981, tại: tỉnh Yên Bái; Nơi ở: A4/15, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nghiêm Thị V, sinh năm 1958; Hiện cư trú tại A4/15, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

* Bị hại: Ông Đào Xuân Đ, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Ông Tống Quang T, sinh năm: 1959. Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng T, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

- Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5-2002, Nguyễn Duy T làm thuê cho hộ kinh doanh cá thể của ông Đào Xuân Đ (có địa chỉ tại tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái). Với công việc của nhân viên tiếp thị, Nguyễn Duy T có nhiệm vụ lấy hàng từ kho của gia đình ông Đào Xuân Đ đi giao hàng cho các đại lý rồi thu tiền về nộp lại cho ông Đ. Từ khoảng tháng 02 năm 2003, sau khi thu tiền hàng của các đại lý, T đã chiếm đoạt tài sản của ông Đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25-01-2003, Nguyễn Duy T đã giao hàng của hộ kinh doanh cá thể của ông Đào Xuân Đ là dầu ăn cho bà Phạm Thị H là chủ đại lý kinh doanh H với số tiền hàng là 3.395.000 đồng và cho đại lý nợ tiền hàng, khi nào có sẽ thanh toán sau. Khoảng đầu tháng 02/2003, bà H đã trả cho T đủ số tiền hàng trên là 3.395.000 đồng để T nộp tiền về cho ông Đ. Sau khi nhận tiền hàng từ bà H, T đã chi tiêu cá nhân hết, không nộp về cho ông Đ.

Lần 2: Trong tháng 02-2003, T cũng đi giao hàng và nhận số tiền hàng là 1.528.900 đồng của một đại lý (T không nhớ tên, địa chỉ). T đã chi tiêu hết số tiền trên, không nộp về cho ông Đ.

Lần 3: Vào ngày 20-02-2003, T nhận hàng ở kho gồm dầu ăn, nước lọc, chè đi giao hàng cho các đại lý kinh doanh theo trục đường từ Km2 - thành phố Yên Bái đến Km 12 - thị trấn Yên Bình. T cùng ông Tống Quang T (là lái xe) đi giao hàng và thu được số tiền bán hàng là 3.421.300 đồng. Sau khi giao hàng xong, đi về đến Km7, thành phố Yên Bái, T xuống xe rồi nhờ ông T chở số hàng tồn còn lại trả về nhập kho. Sau đó, T đến nhà anh Lê Tuấn A nhờ chuyển 01 chiếc cặp gồm các giấy tờ, sổ sách về cho ông Đ, còn số tiền hàng 3.421.300 đồng, T không nộp về cho ông Đ mà đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó T bỏ đi khỏi địa phương.

Tổng số tiền T chiếm đoạt của ông Đào Xuân Đ là 8.345.200 đồng.

Ngày 24-02-2003, ông Đào Xuân Đ có đơn trình báo và đề nghị xử lý Nguyễn Duy T theo quy định của pháp luật. Ngày 23-3-2003, Công an thành phố Yên Bái đã ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Duy T. Ngày 28-6-2021, Nguyễn Duy T đã đến Công an tỉnh Yên Bái đầu thú.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKS-TP ngày 28-10-2021, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Duy T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại văn bản số 62/VKS ngày 24/01/2022 và tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái bổ sung cáo trạng truy tố Nguyễn Duy T về tội “Lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 18/02/2022 ông Đào Xuân Đ có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Duy T.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận đề nghị của bị hại về việc miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T: từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không; Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai báo thành khẩn, không có ý kiến tranh luận gì. Xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng tháng 02/2003, với công việc được giao là nhân viên tiếp thị cho Hộ kinh doanh cá thể của ông Đào Xuân Đ, T có nhiệm vụ đi giao hàng và thu tiền hàng của các đại lý cho ông Đ. T đã thu tiền hàng của 03 đại lý, cụ thể: Thu của đại lý H Bình số tiền 3.395.000 đồng; của 01 đại lý (T không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền 1.528.900 đồng; thu tiền của các đại lý trên trục đường từ Km2 - thành phố Yên Bái đến Km 12 - thị trấn Yên Bình, tỉnh Yên Bái số tiền 3.421.200 đồng. Sau khi

thu được tiền hàng nêu trên, T đều không nộp lại cho ông Đ mà chi tiêu cá nhân hết sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản trong năm 2003, thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật, nên hành vi nêu trên của bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về quy định của Bộ luật hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” từ năm 2003 đến nay:

Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: ...”

Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

“ Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: ...”

Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Như vậy, cấu thành cơ bản của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 của Điều luật theo quy định của BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm

2009 có lợi hơn so với quy định của Điều luật theo BLHS 1999 và quy định của Điều luật theo BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì cần căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án này.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thời điểm phạm tội năm 2003 bị cáo còn trẻ tuổi, nhất thời phạm tội. Từ khi đi khỏi địa phương bị cáo là người lao động, không có vi phạm gì. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; trước đó bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Ngày 18/02/2022 Bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy T; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về đề nghị của bị hại, ông Đào Xuân Đ xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy T:

Xét thấy: Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi biết bị truy nã đã ra đầu thú; bị cáo đã xin lỗi và tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại là ông Đào Xuân Đ; Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đã tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tháng 02/2003, từ đó đến nay chính sách pháp luật hình sự đã có nhiều thay đổi.

Theo hướng dẫn tại điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị của bị hại là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Do đó đủ điều kiện để xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, nên chấp nhận đề nghị của bị hại, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy T.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo Nguyễn Duy T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- HSNV Công an TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Quang Trung